

Bản án số: 34/2025/DS-PT

Ngày: 21-02-2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Lê Phương.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Anh Dũng, ông Lê Minh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Huyền Anh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:**  
Ông Đinh Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 249/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 190/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2024 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2025/QĐPT-DS ngày 07/01/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Hà Ngọc D, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố 7, phường B, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

- **Bị đơn:**

1/ Ông Trần Văn D1, sinh năm 1960; (vắng mặt)

2/ Bà Đặng Thị L, sinh năm 1962 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố 7, phường B, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn D1:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: Khu phố 7, phường B, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Đặng Thị L.

### **NỘI H VỤ ÁN:**

Theo hồ sơ án sơ thẩm thì nội H vụ án được tóm tắt như sau:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Hà Ngọc D trình bày:* Từ chỗ xóm làng quen biết nên trước đó ông D có cho vợ chồng ông Trần Văn D1, bà Đặng Thị L vay tiền qua 2 đợt không nhớ chính xác cụ thể thời gian, chỉ nhớ đợt 1 cho vay 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng), đợt 2 cho vay thêm 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), vợ chồng ông D1, bà L vay tiền mục đích để lo cho con cái bên Hàn Quốc và ghe lưới đi biển, lãi suất 2.000.000 đồng/tháng, vợ chồng ông D1, bà L mới trả được cho ông D 2 tháng tiền lãi tổng cộng 4.000.000 đồng. Do ông D nhiều lần đòi nợ, thậm chí bà Hằng (con gái ruột ông D1 bà L) xuống nhà nhắc vợ chồng ông D1 bà L trả nợ cho ông D nhưng vợ chồng ông D1, bà L vẫn không trả nợ. Nên vào ngày 12/4/2022 ông D đến yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn D1, bà Đặng Thị L ký viết giấy vay mượn tiền, cam kết trả số tiền nợ 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 0,5%/tháng (2.000.000 đồng/tháng), hứa hẹn sẽ trả nợ từ ngày 12/4/2022 đến ngày 12/10/2022. Việc hai bên lập ký giấy mượn tiền có người con gái ruột của vợ chồng ông D1, bà L làm chứng (bà Trần Thị Hằng), ngoài ra còn có người chứng kiến Phó Ban Điều hành khu phố 7 (ông Lê Tấn Đẹp). Đến hạn cam kết vợ chồng ông D1, bà L không trả nợ như thỏa thuận, thậm chí còn thách thức ông D đi kiện. Nay ông D khởi kiện ra Tòa án yêu cầu giải quyết: Buộc vợ chồng ông Trần Văn D1, bà Đặng Thị L trả số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) theo giấy mượn tiền lập ngày 12/4/2022, ông D không yêu cầu tính lãi suất.

*Phía bị đơn vợ chồng ông Trần Văn D1, bà Đặng Thị L trình bày:* Trong quá trình làm việc bà L thừa nhận có nợ của ông D 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) và 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền lãi; vợ chồng ông D1, bà L có ký viết tên, lăn tay trong Giấy mượn tiền ngày 12/4/2022. Số tiền nợ 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) ghi trong giấy mượn tiền ngày 12/4/2022 là do ông D cộng gốc với lãi thành ra con số như vậy. Cụ thể, từ năm 2019 đến năm 2021 bà L có vay của ông D một khoản vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), lãi suất 13.000.000 đồng/tháng, trả được 15 tháng tiền lãi, năm 2021 vay 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), lãi suất 8.000.000 đồng/tháng, trả được 4 tháng tiền lãi, tổng cộng trong thời gian vay nợ đã trả cho ông D khoảng tổng cộng 216.000.000 đồng sau đó ngưng, việc vay mượn trả lãi nêu trên không có giấy tờ chứng minh. Từ việc vay mượn lãi suất trên nên đến ngày 12/4/2022 ông D cộng chung gốc và lãi ghi thành số nợ 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Do ông D hăm dọa, tạt sơn vào nhà nên hai bên thương lượng số tiền nợ gốc 180.000.000 đồng (một trăm

tám mươi triệu đồng), tiền lãi còn thiếu 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng), tổng cộng thành 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), vợ chồng ông D1, bà L đồng ý với nội H này nên mới điểm chỉ ký tên. Nay thấy ông D tính tiền lãi 220.000.000 đồng như vậy là quá cao, ông D1 bà L chỉ đồng ý trả nợ cho ông D với số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Bà L vay tiền của ông D để cho người khác vay lại và vay cho con gái, khi vay ông D1 không biết, sau này ông D đến đòi nợ ông D1 mới biết, ông D1 thống nhất cùng chịu trách nhiệm trả nợ nên đã điểm chỉ vào giấy mượn tiền. Bà L xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà L. Bà L còn trình bày hôm ký giấy mượn tiền có mặt vợ chồng ông D1 bà L, ông D, ông Đẹp, và ông Công, riêng bà Hằng (con gái ông D1 bà L) lúc đó không có mặt, có thể ông D mang giấy vay lên đưa cho bà Hằng ký làm chứng. Tại phiên tòa phía bị đơn ông D1, bà L không thừa nhận nợ, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Ngọc D.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, đã quyết định:

**Căn cứ:**

Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Khoản 2 Điều 26; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án ngày 30/12/2016.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Ngọc D.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn D1, bà Đặng Thị L trả số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) cho ông Hà Ngọc D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 9 năm 2024 bà Đặng Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn bà Đặng Thị L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội H vụ án: Kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị L là không

có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị L và giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm số số 61/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã La Gi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Đặng Thị L kháng cáo trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm và lưu ý ghi rõ điểm khoản của điều luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị L, HĐXX nhận thấy: tranh chấp giữa các đương sự là Giấy mượn tiền ngày 12/4/2022, giữa ông Hà Ngọc D với vợ chồng bà Đặng Thị L ông Trần Văn Đậu với số tiền ông D cho bà L, ông D1 vay là 400.000.000 đồng. Bà L, ông D1 thừa nhận chữ viết, chữ ký và lãn tay là của ông, bà. Bà L, ông D1 cho rằng khi kí giấy nhận nợ do ép buộc, đe dọa và việc ký giấy nợ là lãi cộng gốc ra số tiền nợ. Như vậy nghĩa vụ chứng minh bị đe dọa, ép buộc và việc tính lãi cộng gốc là của bà L, ông D1. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không chứng minh được mình bị đe dọa, ép buộc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào để xác định nguyên đơn đã cộng lãi và gốc vào số nợ mới. Về việc ông D có hành vi đòi nợ gây mất trật tự tại địa phương do chính quyền địa phương nơi cư trú xử lý, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Tại giấy mượn tiền ngày 12/4/2022 có bà Trần Thị H (con gái ruột của ông D1, bà L) làm chứng, có ông Lê Tấn Đẹp - Phó Ban Điều hành khu phố chứng kiến, ông Nguyễn Thành Công (Cảnh sát khu vực khu phố 7, phường Bình Tân) đến nhà bà L giữ trật tự. Bà H là người làm chứng trong việc vay mượn tiền giữa ông Hà Ngọc D và vợ chồng ông Trần Văn D1, bà Đặng Thị L và biết rõ nội H vay tiền giữa hai bên với số tiền 400.000.000 đồng. Ông Lê Tấn Đẹp và ông Nguyễn Thành Công có mặt được yêu cầu là người chứng kiến sự việc ông D tự ghi giấy mượn tiền và ông D có đọc cho những người có mặt nghe, có đọc số tiền nợ, sau khi nghe vợ chồng bà L ông D1 và mọi người ký tên lãn tay vào giấy nợ. Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Hằng con bà L, ông D1 đều xác định số nợ của cha, mẹ, không thay đổi lời khai.

[4] Như vậy, việc kí và lãn tay vào Giấy mượn tiền ngày 12/4/2022 là có thật, bà L, ông D1 là người có đầy đủ năng lực hành vi, không chứng minh được việc ép buộc, đe dọa nên phải chịu trách nhiệm về việc trả nợ. Do đó, Tòa án cấp

sơ thẩm buộc bà L, ông D1 trả nợ cho ông D số tiền 400.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm bà L trình bày đã có đơn tố cáo gửi công an phường Bình Tân về hành vi cho vay lãi nặng của ông D. Tại Thông báo số 12 ngày 20/9/2024 của công an phường Bình Tân do Công an thị xã La Gi gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã kết luận: “Qua nghiên cứu tài liệu, những lời trình bày của người liên quan, người biết việc và người xung quanh nhà bà L thì việc bà Đặng Thị L tố cáo ông Hà Ngọc D có hành vi cho vay lãi nặng là không có cơ sở...” Như vậy kết luận về việc cho vay lãi nặng của Công an phường Bình Tân đối với tố cáo của bà L không có căn cứ nên HĐXX không có cơ sở để xem xét tiếp tục hoãn phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ hay chờ kết quả giải quyết của cơ quan công an.

[6] Xét bà Đặng Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng đưa ra tài liệu, chứng cứ không đầy đủ để chứng minh cho việc kháng cáo của mình. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị L mà giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Tuy kháng cáo không được chấp nhận nhưng bà Đặng Thị L là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[8] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Căn cứ:** khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

**2. Căn cứ:**

- khoản 01 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;
- Điều 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

**3. Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Ngọc D.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn D1, bà Đặng Thị L trả số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) cho ông Hà Ngọc D.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm : Vợ chồng ông Trần Văn D1, bà Đặng Thị L được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Hà Ngọc D 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013203, ngày 06/4/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Thị L được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 21/02/2025)./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND, TAND thị xã La Gi;
- Chi Cục THADS thị xã La Gi;
- Các đương sự;
- Công TTĐT-TANDTC
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS; Tổ HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Lê Phương**